HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Lai Châu, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SỮA CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI NGƯỜI DÂN TỘC MẢNG, LA HỦ TẠI 9 XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2027-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 75/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục mầm non có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Bộ Y tế về việc quy định một số biện pháp thúc đẩy việc nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-BYT ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn ăn bổ sung cho trẻ em từ 6 tháng tuổi đến 23 tháng tuổi";

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ tại 09 xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ tại 09 xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2027-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ tại 9 xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2027-2030. Chính sách được thực hiện tại 9 xã: Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm, Hua Bum, Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần, Bum Nưa.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi; tính đến thời điểm hưởng chính sách, là người dân tộc Mảng hoặc La Hủ, có hộ khẩu thường trú hoặc cư trú hợp pháp trên địa bàn 9 xã: Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm, Hua Bum, Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần, Bum Nưa.

b) Cơ sở giáo dục mầm non công lập có trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

c) Các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách.

Điều 2. Nội dung, thời gian và định mức hỗ trợ

Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 được hỗ trợ sữa với mức hỗ trợ 190.000 đồng/trẻ/tháng, thực hiện trong 9 tháng/năm.

Điều 3. Kinh phí và phương thức hỗ trợ

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sữa được bố trí trong dự toán ngân

sách nhà nước theo quy định của pháp luật và được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện chính sách. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức mua sữa, tiếp nhận, bảo quản và cấp phát sữa cho trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng theo đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chất lượng và thời gian hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ danh sách trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng được xác định theo quy định tại Nghị quyết này, việc cấp phát sữa được thực hiện như sau:

a) Đối với trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng chưa đi học tại cơ sở giáo dục mầm non, sữa được cấp phát cho cha, mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng, người giám hộ của trẻ thông qua cơ sở y tế trên địa bàn hoặc đầu mối được Ủy ban nhân dân cấp xã phân công thực hiện; việc cấp phát phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng định mức và phù hợp với độ tuổi của trẻ;

b) Đối với trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, sữa được cấp phát tại cơ sở giáo dục mầm non nơi trẻ đang học để tổ chức sử dụng cho trẻ theo quy định;

c) Trường hợp trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng thay đổi nơi cư trú, chuyển cơ sở giáo dục hoặc có thay đổi khác làm ảnh hưởng đến việc thụ hưởng chính sách, việc cấp phát sữa được thực hiện theo tình trạng thực tế của trẻ tại thời điểm cấp phát, bảo đảm không cấp trùng và không bỏ sót đối tượng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập, quản lý và cập nhật danh sách trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng; tổ chức cấp phát, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện chính sách; bảo đảm việc mua sắm, tiếp nhận, bảo quản, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

4. Việc hỗ trợ được thực hiện bằng sữa theo định mức quy định tại Nghị quyết này; không thực hiện chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng hình thức khác thay thế sữa

Điều 4. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2027.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa ....., kỳ họp ..... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL hành chính- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH